

BÀI BÁO NGHIÊN CỨU GÓC

Thực trạng đào tạo liên tục cho điều dưỡng khoa khám bệnh, bệnh viện Chợ Rẫy – thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2019 – 2020

Lâm Văn Minh^{1*}, Bùi Thị Tú Quyên², Trần Văn Vũ¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng đào tạo liên tục tại Bệnh viện Chợ Rẫy, Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2019-2020.

Phương pháp nghiên cứu: Mô tả cắt ngang trên 125 điều dưỡng Khoa khám bệnh, thu thập những báo cáo về đào tạo liên tục giai đoạn 2019-2020 tại Bệnh viện Chợ Rẫy, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2021. Phương pháp thu thập số liệu là phát vấn bằng bộ câu hỏi.

Kết quả: Tỷ lệ điều dưỡng đạt 48 giờ đào tạo liên tục từ 2019-2020 là 26,4%. Công tác đào tạo liên tục chủ yếu là về chuyên môn, tổ chức tại bệnh viện chiếm năm 2019 (95,3%), năm 2020 (93,4%); dưới hình thức tổ chức tập huấn đào tạo năm 2019 (55,7%), năm 2020 (78,8%); thời gian chủ yếu là dưới 02 ngày năm 2019 (89,0%), năm 2020 (92,1%); Đội ngũ giảng viên chủ yếu là từ bệnh viện năm 2019 chiếm 57,6%, năm 2020 là 60,7%.

Kết luận: Tỷ lệ điều dưỡng đạt 48 giờ đào tạo liên tục trong 2 năm 2019-2020 còn thấp, tham gia chủ yếu tại bệnh viện dưới hình thức tập huấn, đào tạo.

Từ khóa: Đào tạo liên tục, Điều dưỡng Khoa Khám bệnh, Bệnh viện Chợ Rẫy.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Tại Việt Nam, Bộ Y tế đã ban hành thông tư 22/2013/TT-BYT về hướng dẫn ĐTLT cho CBYT nêu rõ cán bộ y tế (CBYT) đã được cấp chứng chỉ hành nghề và đang hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có nghĩa vụ tham gia đào tạo liên tục (ĐTLT) tối thiểu 48 tiết học trong 2 năm liên tiếp (1). Bên cạnh đó, theo Luật khám, chữa bệnh cũng quy định người hành nghề y không cập nhật kiến thức y khoa trong 02 năm liên tiếp sẽ bị thu hồi chứng chỉ hành nghề (2). Bệnh viện Chợ Rẫy là bệnh viện tuyến cuối hạng đặc biệt trực thuộc Trung ương, mỗi ngày bệnh viện Chợ Rẫy khám và điều trị cho trên 10 nghìn lượt người bệnh nội và ngoại

trú. Chính vì vậy, nhân viên y tế phải thực hiện khối công việc rất lớn, đòi hỏi chuyên môn và năng lực cao. Xác định được tầm quan trọng của việc đào tạo chuyên môn nghiệp vụ liên tục đối với nhân viên y tế đặc biệt là nhân viên điều dưỡng phòng khám. Bệnh viện Chợ Rẫy đã chỉ đạo Trung tâm đào tạo – Chỉ đạo tuyến, phòng Điều dưỡng, phòng Quản lý chất lượng, ... triển khai nhiều chương trình, nội dung phù hợp từng đối tượng nhân viên y tế trong toàn bệnh viện và trở thành hoạt động thường kỳ hàng tháng. Tuy nhiên, việc khảo sát, đánh giá ĐTLT chưa thực hiện đầy đủ dẫn đến tình trạng chưa đáp ứng được nhu cầu, mục tiêu đặt ra. Do đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu “Thực trạng Đào tạo liên tục cho Điều dưỡng



*Địa chỉ liên hệ: Lâm Văn Minh
Email: vanminh89sky@gmail.com

¹ Bệnh viện Chợ Rẫy

² Trường Đại học Y tế công cộng

Ngày nhận bài: 11/8/2021

Ngày phản biện: 13/9/2021

Ngày đăng bài: 28/02/2022

Mã DOI: <https://doi.org/10.38148/JHDS.0601SKPT21-047>

khoa Khám bệnh, Bệnh viện Chợ Rẫy – Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2019-2020” để nhằm đánh giá khách quan, tìm hiểu sâu về những vấn đề liên quan, cung cấp thông tin góp phần xây dựng kế hoạch và kiểm soát chất lượng đào tạo liên tục cho ĐD tại bệnh viện.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Khoa Khám bệnh - Bệnh viện Chợ Rẫy từ tháng 02 năm 2021 đến tháng 08 năm 2021.

Đối tượng nghiên cứu

- Điều dưỡng đang làm việc tại Khoa Khám bệnh của Bệnh viện Chợ Rẫy.
- Báo cáo, bảng tổng hợp của Phòng Điều dưỡng, Trung tâm đào tạo về đào tạo liên tục cho điều dưỡng trong những năm 2019, 2020

Tiêu chuẩn loại trừ đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng đang không có mặt tại địa điểm trong thời gian nghiên cứu
- Đối tượng làm việc dưới 2 năm
- Không đồng ý tham gia nghiên cứu

Cỡ mẫu, phương pháp chọn mẫu

Số liệu sơ cấp

Công thức tính cỡ mẫu:

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n là tổng số ĐTNCTối thiểu cần có

$Z_{1-\alpha/2} = 1,96$ với độ tin cậy 95%

p=0,6 Theo nghiên cứu của Vũ Ngọc Ánh (2020) tại Bệnh viện Quận 11 có 64,1% điều

dưỡng đủ thời gian ĐTLT theo quy định/thông tư gì? (3).

d: Độ chính xác mong muốn (sai số dự kiến) 10%, d = 0,1. Dựa vào công thức và các chỉ số kể trên, chúng tôi tính được cỡ mẫu tối thiểu là 92 nhân viên điều dưỡng. Thực tế chúng tôi thu thập được 125 điều dưỡng.

Số liệu thứ cấp: Toàn bộ báo cáo, số liệu có sẵn trong năm 2019, 2020 về ĐTLT của ĐD.

Biến số nghiên cứu

Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu: Tuổi, giới, trình độ học vấn, thâm niên công tác, đơn vị công tác.

Thực trạng ĐTLT giai đoạn 2019-2020: Tỷ lệ CBYT được ĐTLT đủ 48 giờ trong 2 năm 2019-2020; Số lượng khóa ĐTLT, hình thức đào tạo, thời gian đào tạo, phương pháp đào tạo, địa điểm đào tạo; chủ đề khóa ĐTLT.

Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu,

Bộ công cụ được xây dựng, chỉnh sửa dựa trên các thông tư, quy định có liên quan đến nội dung ĐTLT (Thông tư số 07/2011/TT-BYT, Quyết định số 1352/QĐ-BYT, Thông tư số 22/2013/TT-BYT của Bộ Y tế (1, 4, 5). Ngoài ra, chúng tôi cũng tham khảo đề tài nghiên cứu của tác giả Nguyễn Xuân Chi, Nguyễn Ngọc Diệp (6). Có chỉnh sửa để phù hợp với nghiên cứu của chúng tôi (bỏ một số biến về nhu cầu ĐTLT).

Bộ câu hỏi điều tra bao gồm 2 phần: (1) Phần thông tin đối tượng nghiên cứu: tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn, nơi làm việc, thâm niên công tác. (2) Phần đánh giá chung của đối tượng nghiên cứu về ĐTLT: Các khóa ĐTLT, hình thức ĐTLT, thời lượng ĐTLT, phương pháp ĐTLT, kinh phí ĐTLT,...

Tiêu chí đánh giá

Đáp ứng ĐTLT theo Thông tư 22/2013/TT-BYT: Cán bộ y tế có chứng chỉ và đang hành

nghe khám, chữa bệnh được đào tạo liên tục có cấp chứng nhận hoặc chứng chỉ, đủ từ 48 giờ trở lên trong 2 năm 2019-2020 hoặc cán bộ y tế đang đi học liên thông trình độ cao đẳng, đại học trong giai đoạn 2019-2020. Được thu thập thông qua các báo cáo, bảng tổng hợp của Phòng Điều dưỡng, Trung tâm đào tạo về đào tạo liên tục cho điều dưỡng trong những năm 2019, 2020.

Xử lý và phân tích số liệu: Nhập liệu bằng phần mềm EpiData 3.1 và phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0. Số liệu thứ cấp được

rà soát, chọn lọc, nhập vào máy tính và thống kê bằng phần mềm Excel.

Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu đã được Hội đồng đạo đức của Trường Đại học Y tế Công Cộng thông qua theo Quyết định số 104/2021/YTCC-HD3, ngày 15 tháng 03 năm 2021.

KẾT QUẢ

Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của các đối tượng nghiên cứu

	Đặc điểm	Tần số (n=125)	Tỷ lệ (%)
Tuổi	29-40 tuổi	39	31,2
	41-55 tuổi	86	68,8
Tuổi trung bình, độ lệch chuẩn: 45 ± 6 , nhỏ nhất là 29, lớn nhất là 55 tuổi.			
Giới	Nữ	118	94,4
	Nam	7	5,6
Trình độ chuyên môn	Sau đại học	2	1,6
	Đại học	86	68,8
	Cao đẳng	4	3,2
	Trung cấp	33	26,4
Nơi làm việc	Khoa Khám bệnh I	73	58,4
	Khoa Khám bệnh II	6	4,8
	Khoa Khám xuất cảnh	24	19,2
	Khoa CSSK theo yêu cầu	22	17,6
Thâm niên công tác	Từ 15 năm trở xuống	17	13,6
	Từ 16-20 năm	44	35,2
	Trên 20 năm	64	51,2

Nghiên cứu trên 125 điều dưỡng khoa Khám bệnh cho thấy độ tuổi trung bình của các ĐD là 45 tuổi, nhỏ nhất là 29 tuổi và lớn nhất là 55 tuổi, nhóm tuổi chủ yếu trong nghiên cứu là trên 40 tuổi chiếm 68,8%. Đa số là

nữ giới (94,4%), hầu hết có trình độ đại học điều dưỡng chiếm 68,8%, tỉ lệ sau đại học chỉ có 1,2%.

Hình thức đào tạo liên tục

Bảng 2. Thông tin về thực hiện ĐTLT của ĐD năm 2019

Nội dung	Nội dung cụ thể	Năm 2019 (n=295)		Năm 2020 (n=152)	
		n	%	n	%
Tham gia đào tạo liên tục (n=125)	Người học 1 khóa	56	44,8	55	44,0
	Người học 2 khóa	34	27,2	48	38,4
	Người học 3 khóa trở lên	35	28,0	22	17,6
Hình thức ĐTLT	Tập huấn, đào tạo	164	55,7	120	78,9
	Hội nghị, hội thảo	122	41,2	27	17,8
	Nghiên cứu khoa học	9	3,1	5	3,3
Địa điểm ĐTLT	Tại bệnh viện	281	95,3	142	93,4
	Ngoài bệnh viện	14	4,7	10	6,6
Thời lượng đào tạo	Dưới 02 ngày	257	87,1	140	92,1
	Từ 02 đến 05 ngày	27	9,2	10	6,6
	Trên 05 ngày	11	3,7	2	1,3
Phương pháp ĐTLT	Lý thuyết	281	95,3	147	96,7
	Lý thuyết + thực hành	14	4,7	5	3,3
Kinh phí của các khóa ĐTLT	Đơn vị chi trả hoàn toàn	198	67,1	120	78,9
	Cá nhân và đơn vị cùng chi trả	20	6,8	02	1,3
	Do các dự án/chương trình chi trả	77	26,1	30	19,7

Theo bảng 2 cho thấy trên 125 điều dưỡng thì 100% các ĐD được tham gia ĐTLT trong các năm 2019, 2020. Trong đó năm 2019 có 16,0% được học từ 4 khóa ĐTLT trở lên, chủ yếu là 1 khóa chiếm 44,8%. Kết quả ĐTLT năm 2020 có 17,6% được học từ 3 khóa ĐTLT, chủ yếu là 1 khóa chiếm 44,0% và có 93,4% được học tập tại bệnh viện. Năm 2019 có 295 lượt điều dưỡng tham gia ĐTLT, năm 2020 với 152 lượt điều dưỡng được ĐTLT. Về hình thức ĐTLT cho thấy từ 2019-2020 chủ yếu là các lớp tập huấn đào tạo 2019

(55,7), 2020 (78,9), tuy nhiên tỷ lệ tham gia đào tạo, tập huấn của năm 2020 cao hơn năm 2019. Về địa điểm ĐTLT chủ yếu là tại bệnh viện với tỉ lệ 2 năm khá tương đồng lần lượt là 2019 (95,3%), 2020 (93,4%).

Về thời lượng ĐTLT chủ yếu là các lớp có thời gian dưới 2 ngày năm 2019 (87,1%), năm 2020 (92,1%). Về phương pháp ĐTLT thì đa số là lý thuyết 2019 (95,3%), năm 2020 (96,7%). Về kinh phí ĐTLT thì chủ yếu là do đơn vị chi trả năm 2019 (67,1%), năm 2020 (78,9%).

Bảng 3. Thông tin về tổng số khóa ĐTLT của điều dưỡng giai đoạn 2019-2020

Nội dung cụ thể		Năm 2019		Năm 2020	
		n	%	n	%
Số khóa ĐTLT đã tham gia	Tại bệnh viện	19	65,5	15	83,3
	Ngoài bệnh viện	10	34,5	3	16,7
Tổng		29	100	18	100

Kết quả báo cáo về tổng số khóa ĐTLT của năm 2019 là 29 khóa cao hơn năm 2020 với 18 khóa, trong đó năm 2019 có 65,5% là ĐTLT tại

viện; năm 2020 là 83,3% ĐTLT tại viện.

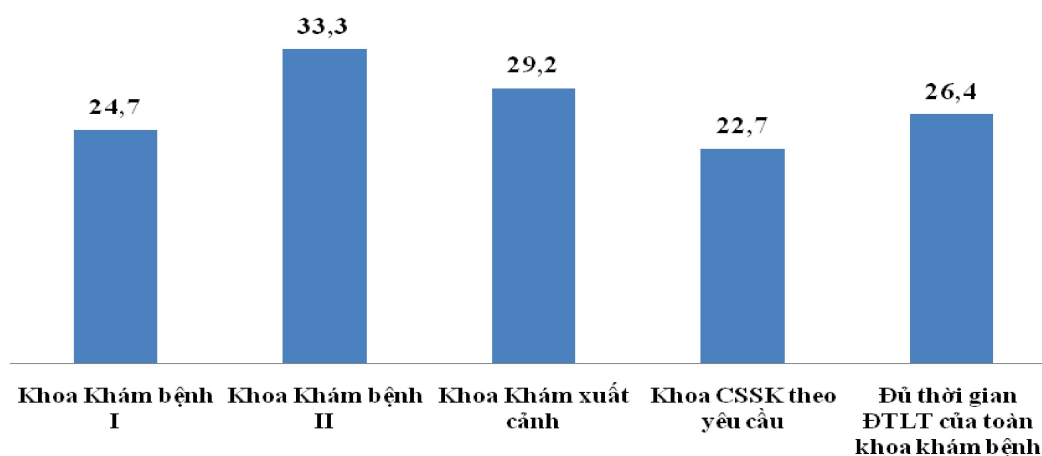
Nội dung đào tạo

Bảng 4. Các chủ đề đã tham gia ĐTLT từ năm 2019-2020

Chủ đề ĐTLT	Năm 2019		Năm 2020	
	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Phổ biến thông tư, quy định	21	8,1	14	9,2
Chăm sóc và theo dõi người bệnh	37	14,3	10	6,6
Kỹ thuật điều dưỡng	33	12,7	8	5,3
Nghiên cứu khoa học	9	3,5	5	3,3
Kỹ năng giao tiếp	51	19,7	21	13,8
An toàn người bệnh	53	20,5	15	9,9
Cập nhật kiến thức mới	14	5,4	25	16,4
Kiểm soát nhiễm khuẩn	13	5,0	43	28,3
Quản lý chất lượng	22	8,5	11	7,2
Khác	6	2,3	0	0
Tổng	259	100,0	152	100,0

Kết quả cho thấy chủ đề được ĐTLT cao nhất năm 2019 là an toàn người bệnh (20,5%), tiếp theo là kỹ năng giao tiếp (19,7%) và thấp nhất là nghiên cứu khoa học (3,5%). Đối với năm

2020 thì được đào tạo nhiều nhất là về kiểm soát nhiễm khuẩn (28,3%), tiếp theo là cập nhật kiến thức mới (16,4%) và thấp nhất là nghiên cứu khoa học (3,3%).



Biểu đồ 1. Tỷ lệ điều dưỡng đủ 48 giờ ĐTLT từ năm 2019-2020 theo các khoa nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy 26,4% các ĐD có từ 48 giờ ĐTLT từ năm 2019-2020, có 73,6% ĐD chưa đạt 48 giờ ĐTLT.

Bảng 5. Thực trạng giảng viên đào tạo liên tục từ 2019-2020

	Nơi đào tạo	Giảng viên						Tổng số	
		Của BV		Của trường		Của BV khác		Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
		Tần số (n)	Tỉ lệ (%)	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)		
2019	ĐT tại BV	11	57,9	8	42,1	0	0,0	19	100
	ĐT ngoài BV	0	0,0	7	70,0	3	30,0	10	100
2020	ĐT tại BV	10	60,7	4	26,7	1	6,6	15	100
	ĐT ngoài BV	0	0,0	3	100	0	0,0	3	100

Kết quả các khóa ĐTLT được tổ chức tại bệnh viện thì đội ngũ giảng viên của bệnh viện năm 2019 chiếm 57,6%, năm 2020 là 60,7% còn lại là giảng viên từ các trường và một số bệnh viện khác tham gia.

BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu trên 125 ĐD đang làm việc tại khối khám bệnh tại BV Chợ Rẫy có tham gia ĐTLT đạt (từ 48 tiết) giai đoạn năm 2019-2020 là 26,4%, tỷ lệ này thấp hơn nghiên cứu của Abdullahi M. Ahmed và Besrat Hagos (52%), Đào Xuân Lâm (2015) là 79,5% (7, 8). Tỷ lệ nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn do khác nhau về đối tượng, nghiên cứu này chỉ tập trung vào ĐD khối khám bệnh. Bên cạnh đó, năm 2020 là năm có đại dịch COVID-19 ảnh hưởng đến kế hoạch ĐTLT của BV. Nếu so với quy định tại Thông tư số 22/2023/TT-BYT thì đối tượng được cập nhật kiến thức đủ số giờ ĐTLT theo quy định rất thấp, các đơn vị chưa đảm bảo quyền lợi cho nhân viên theo Luật Khám chữa bệnh (9). 100% các ĐD đều được tham gia ĐTLT, phần lớn trong số đó đã được tham gia 1 khóa ĐTLT mỗi năm chiếm tỉ lệ khoảng 44,0%. Kết quả

NC cao hơn nghiên cứu Chunping Ni và cộng sự (2014) tại Trung Quốc đã chỉ ra có 97,3 % ĐD đã tham dự các chương trình ĐTLT trong 12 tháng gần đây (10). ĐD khoa khám bệnh mỗi vị trí làm việc đều rất khó tham gia ĐTLT. Mỗi ĐD tại phòng khám phụ trách một phòng khám một cửa tiếp đón, đặc biệt là các buổi sáng không thể rút người tại một vị trí nào khác. Điều này cho thấy việc tham gia ĐTLT của các ĐD tại khối phòng khám cũng rất tích cực, rất đáng ghi nhận. Điều này cũng phù hợp vì trên 90% các lớp ĐTLT được tổ chức tại BV năm 2019 (95,3%) và năm 2020 (93,4%). Tỉ lệ đào tạo tại BV trong nghiên cứu của chúng tôi cao hơn nghiên cứu của Lưu Thị Minh Nguyệt cũng cho thấy tỉ lệ đa số đào tạo tại BV (58%) (11). Sự khác biệt này có thể do khác nhau về địa điểm, tính chất và cơ chế của BV khác nhau.

Các hình thức đào tạo chủ yếu trong nghiên cứu này là tập huấn năm 2019 (55,7%), năm 2020 (78,9%). Điều này cũng tương đồng với nghiên cứu Vũ Ngọc Ánh (2020) có 64,1% các ĐD tham gia dưới dạng tập huấn (3). Tuy nhiên trong nghiên cứu của Mei Chan Chong và cộng sự (2013) ở Malaysia thì cho thấy Hội thảo là hoạt động ĐTLT phổ biến nhất

(345, 43,6%) (12). Sự khác nhau này có thể do tính chất, cơ chế của mỗi BV khác nhau. Hình thức ĐTLT phải phù hợp, đáp ứng với đối tượng, thời gian đào tạo khác nhau. Năm 2019 tại BV các ĐD tham gia các hội thảo là 41,2% nhưng tỉ lệ này giảm xuống còn 17,8% trong năm 2020. Nhiều lớp Hội thảo, Hội nghị khoa học bị trì hoãn đến lần thứ 3 cũng không thể thực hiện được.

Thời gian ĐTLT dưới 02 ngày chiếm đến 90% được nhiều đơn vị, kết quả trong nghiên cứu của chúng tôi cao hơn kết quả trong nghiên cứu tác giả Nguyễn Thị Hoài Thu (khóa ĐTLT trên 30 ngày chiếm 29,0%) (13). Nghiên cứu của Vũ Ngọc Ánh (2020) tại BV Quận 11, cho thấy đa số các khóa được tổ chức từ 2-4 giờ, chủ yếu là đào tạo lý thuyết (3). Điều này là phù hợp với tính chất công việc của các ĐD phòng khám, số lượng người bệnh khám buổi chiều thường vắng hơn buổi sáng đây cũng là thời điểm thích hợp nhất để tổ chức ĐTLT. Phương pháp đào tạo trong nghiên cứu này chủ yếu là lý thuyết chiếm đến hơn 95%, này cho thấy mất cân đối về phương pháp đào tạo. Kết hợp giữa học kiến thức với thực hành kỹ năng, cùng lúc tác động vào nhiều giác quan để tăng khả năng ghi nhớ. Phù hợp với điều kiện về cơ sở và phương tiện dạy - học hiện có của BV (14). Đối với các ĐD tại Khoa Khám bệnh thì việc đào tạo các khóa học như tại BV Quận 11 từ 2-4 giờ/ ngày thì sẽ phù hợp hơn.

Có thể nói công tác tổ chức ĐTLT tại BV Chợ Rẫy rất bài bản, được thực hiện theo quy trình và được vận hành bởi những đội ngũ nhân lực có năng lực, có trình độ chuyên môn. Tuy nhiên, theo đánh giá của chúng tôi hiện nay việc quản lý ĐTLT ĐD do phòng ĐD và Trung tâm Đào tạo – Chỉ đạo tuyến phụ trách, chưa có phần mềm quản lý ĐTLT. Do đó việc phối hợp với phòng Đào tạo về xây dựng chương trình đào tạo, người học và đơn vị sử dụng người lao động chưa có sự thống nhất. Nên không thể tương tác hoàn toàn giữa

các bên, không xác định mục tiêu ĐTLT theo nhu cầu xã hội, của người học, cho nên việc xây dựng, hoàn thành các mục tiêu trong kế hoạch ĐTLT hàng năm cũng như chất lượng đào tạo liên tục chưa đạt kết quả cao. Điều này cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của tác giả Triệu Văn Tuyền, đại đa số các cơ sở ĐTLT khảo sát nhu cầu trước khi ĐTLT còn mang tính hình thức, chưa thật sự đánh giá được nhu cầu thực tế của người học (15).

Khoa Khám bệnh là cửa ngõ của BV do đó việc tập huấn, triển khai trong thời gian này đòi hỏi phải cập nhật thông tin thường xuyên để hạn chế tối đa sự lây lan của dịch bệnh. Những lĩnh vực đào tạo khác như phổ biến thông tin, quy định và quản lý chất lượng thì không thường xuyên, chỉ tập trung vào một số ĐD trưởng giữ chức vụ quản lý. Nghiên cứu của Nguyễn Thái Hà cho thấy đào tạo liên quan tới chuyên môn là 90,3%, tuy nhiên vẫn còn có một số lượng nhỏ (9,7%) đối tượng tham gia đào tạo liên quan tới các nội dung khác (16). Một nghiên cứu khác cũng cho biết các khóa đào tạo chủ yếu là về chuyên môn nghiệp vụ, các khóa đào tạo về quản lý và kỹ năng mềm chỉ chiếm phần nhỏ (17).

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỉ lệ giảng viên của BV tham gia vào các khóa ĐTLT tại BV từ 57,9%-60,7% mỗi năm. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Xuân Chi tại BV Quận Thủ Đức cho thấy có 46,3% giảng viên từ BV (6). Đội ngũ giảng viên phục vụ công tác ĐTLT hiện nay tại BV đã đáp ứng tiêu chuẩn ĐTLT, có 98% số lượng giảng viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc là chứng chỉ sư phạm y học, 2% còn lại thuộc đối tượng đang bổ sung (18). Điều này cho thấy đội ngũ giảng viên tại BV đã đáp ứng được nhu cầu ĐTLT của BV.

Hạn chế nghiên cứu: Chưa tìm hiểu sâu về nội dung, lĩnh vực, nhu cầu và hiệu quả của từng chương trình đào tạo và thu thập số liệu có thể có sai số khi nhớ lại thông tin.

KẾT LUẬN

100% các ĐD đều được tham gia ĐTLT trong giai đoạn 2019 – 2020, trong đó có 26,4% ĐD tham gia đủ 48 tiết trở lên từ 2019-2020 trong nghiên cứu. Công tác ĐTLT chủ yếu là về chuyên môn, tổ chức tại BV năm 2019 (95,3%), năm 2020 (93,4%); chủ yếu là tập huấn năm 2019 (55,7%), năm 2020 (78,8%); đa số thời gian là dưới 02 ngày năm 2019 (89,0%), năm 2020 (92,1%). ĐTLT tại BV đội ngũ giảng viên chủ yếu là từ BV năm 2019 chiếm 57,6%, năm 2020 là 60,7%.

Khuyến nghị: Cần tăng cường sự tham gia ĐTLT của các ĐD tại khoa khám bệnh. Phòng ĐD, Trung tâm ĐT-CĐT nên tổ chức các lớp dưới hình thức từ tập huấn, hội thảo tại BV. Với thời gian đào tạo dưới 2 ngày, mỗi ngày học một buổi vào các buổi chiều trong ngày hoặc thứ 7, chủ nhật là phù hợp nhất và sử dụng tối đa nguồn giảng viên sẵn có của BV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế. Thông tư 22/2013/TT-BYT ngày 09/08/2013 về việc Hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế. Hà Nội; 2013.
2. Chính phủ. Luật khám, chữa bệnh. 2009.
3. Vũ Ngọc Ánh. Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của điều dưỡng các khoa lâm sàng tại bệnh viện quận 11 năm 2020. Hà Nội: Đại học Y tế công cộng; 2020.
4. Bộ Y tế. Thông tư 07/2011/TT-BYT ngày 26/01/2011 về việc “Hướng dẫn công tác điều dưỡng về chăm sóc người bệnh trong bệnh viện. Ngày 26 tháng 11 năm 2011. 2011.
5. Bộ Y tế. Quyết định số 1352/QĐ-BYT ngày 21/04/2012 chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam. Hà Nội 2012.
6. Nguyễn Xuân Chi. Thực trạng đào tạo liên tục của điều dưỡng lâm sàng và một số yếu tố ảnh hưởng tại bệnh viện quận Thủ Đức, TPHCM,

- giai đoạn 2016-2019. Luận văn Chuyên khoa II, Quản lý bệnh viện. 2020;Đại học Y Tế Công Cộng, Hà Nội.
7. Đào Xuân Lân. Đánh giá hoạt động đào tạo liên tục tại Bệnh viện Bạch Mai: Luận văn Thạc sỹ Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội.; 2015.
 8. Abdullahi M., Ahmed Besrat Hagos. Continuing Medical Education in Eritrea : Need for a System. Human Resource for Health Development Journal. 2013;3:132 - 8.
 9. Luật khám bệnh, chữa bệnh, (2009).
 10. Chunping Ni, Yan Hua, Pei Shao, Gwenyth R. Wallen, Shasha Xu, Lu Li. Continuing education among Chinese nurses: A general hospital-based study. Nurse education today. 2014;34(4):592-7.
 11. Lưu Thị Nguyệt Minh. Công tác đào tạo liên tục cho điều dưỡng tại bệnh viện Tai Mũi Họng Trung Ương từ năm 2014 – 2016. Tạp chí Khoa học Nghiên cứu sức khỏe và Phát triển. 2017:78-87.
 12. D. A. Davis và các cộng sự. “Changing physician performance: A systematic review of the effect of continuing medical education strategies”. JAMA, 274(9), tr 700-705. 1995.
 13. Nguyễn Thị Hoài Thu. Đánh giá nhu cầu đào tạo liên tục của điều dưỡng các khoa lâm sàng tại Bệnh viện Phổi Trung ương giai đoạn 2015-2017. Hà Nội: Trường Đại học Y tế công cộng; 2015.
 14. Bộ Y tế, WHO. Quản lý công tác đào tạo liên tục cán bộ y tế. Hà Nội: Nhà xuất bản Y học; 2014.
 15. Triệu Văn Tuyển. Mô tả thực trạng đào tạo liên tục cán bộ trạm y tế tại tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2013-2014. Hà Nội: Đại học Y tế công cộng; 2015.
 16. Nguyễn Hải Hà. Thực trạng đào tạo liên tục cho cán bộ dược sĩ ở các Bệnh viện tại Thành phố Hải Dương năm 2017: Đại học Quốc gia Hà Nội; 2017.
 17. Trần Thanh Sơn. Thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng đến đào tạo liên tục cán bộ y tế tại các bệnh viện đa khoa trong tỉnh Hậu Giang năm 2015. Hà Nội: Trường đại học Y tế công cộng; 2016.
 18. Trung tâm đào tạo - chỉ đạo tuyến - Bệnh viện Chợ Rẫy. Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2016 - Phương hướng hoạt động năm 2017. 2016.

Current situation of continued training for nurses in physical examination, Cho Ray hospital – Ho Chi Minh city period of 2019 – 2020

Lam Van Minh¹, Bui Thi Tu Quyen², Tran Van Vu¹

¹ Cho Ray hospital

² Hanoi University of Public Health

Objectives: Describe the current status of continuous training (LTD) and factors affecting LT at Cho Ray Hospital, Ho Chi Minh City (HCMC) in the period 2019-2020. Research method: cross-sectional description on 125 nurses Department of medical examination, collection of reports on LC in the period of 2019-2020 at Cho Ray Hospital, Ho Chi Minh City. Ho Chi Minh City from March to May 2021. Data collection method is direct interview by questionnaire. The percentage of nurses who achieved 48 hours of LTD from 2019-2020 was 26.4%. The work of LT is mainly specialized and organized at the hospital, accounting for 2019 (95.3%), 2020 (93.4%); in the form of training in 2019 (55.7%), 2020 (78.8%); the time is mainly under 02 days in 2019 (89.0%), 2020 (92.1%); The teaching staff are mainly from hospitals in 2019 accounting for 57.6%, in 2020 it is 60.7%. The percentage of nurses who achieved 48 hours of LTD in 2 years 2019-2020 is still low, participating mainly at the hospital in the form of training and training.

Keywords: *Continuous training, Nursing Department of Examination, Cho Ray Hospital.*